

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ IV/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364,975,416,291	336,789,750,016
I-Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	156,622,988,924	133,564,375,448
1. Tiền	111		113,122,202,480	90,464,375,448
2. Các khoản tương đương tiền	112		43,500,786,444	43,100,000,000
II-Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30,000,000,000	30,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	30,000,000,000	30,000,000,000
III-Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167,333,875,189	163,268,378,444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	139,598,389,781	140,149,021,418
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,907,161,629	2,326,263,560
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	29,638,810,555	27,904,054,400
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5,810,486,776)	(7,110,960,934)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV-Hàng tồn kho :	140		877,500	
1. Hàng tồn kho	141	V.6	877,500	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	
V-Tài sản ngắn hạn khác	150		11,017,674,678	9,956,996,124
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	311,393,335	746,701,605
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	10,028,755,966	8,758,303,474
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	677,525,377	451,991,045
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279,986,140,339	282,213,534,845
I-Các khoản phải thu dài hạn	210		8,961,498,470	8,410,338,470
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	8,961,498,470	8,410,338,470
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II-Tài sản cố định	220		76,372,578,299	138,778,513,859
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	57,342,444,148	58,883,230,086
- Nguyên giá	222		140,619,478,905	140,949,131,702
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(83,277,034,757)	(82,065,901,616)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.9	19,030,134,151	79,895,283,773
- Nguyên giá	228		22,381,234,828	83,228,221,328
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3,351,100,677)	(3,332,937,555)
III-Bất động sản đầu tư	230	V.10	41,475,160,971	45,616,681,501
- Nguyên giá	231		74,584,104,356	74,584,104,356
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(33,108,943,385)	(28,967,422,855)
IV-Tài sản dở dang dài hạn	240		75,633,580,914	75,483,217,403
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	75,633,580,914	75,483,217,403
V-Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	15,717,542,263	12,008,727,010
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4,113,075,780	414,395,004
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11,604,466,483	11,594,332,006
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		61,825,779,422	1,916,056,602
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	61,825,779,422	1,916,056,602
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		644,961,556,630	619,003,284,861
NGUỒN VỐN				
C-NỢ PHẢI TRẢ	300		272,436,582,340	267,637,608,532
I-Nợ ngắn hạn	310		269,606,375,462	259,166,290,074
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	90,354,811,865	87,912,963,769
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8,709,356,891	10,427,135,577
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11,234,552,144	12,987,341,304
4. Phải trả người lao động	314		24,051,172,365	37,132,033,324
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	23,035,331,996	20,037,665,286
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	181,818,182	363,483,182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	104,498,410,382	81,846,181,306
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	96,000,000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,444,921,637	8,459,486,326
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II-Nợ dài hạn	330		2,830,206,878	8,471,318,458
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	500,000,000	500,000,000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1,729,551,434	733,770,150
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	344,000,000	6,591,420,000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		256,655,444	646,128,308
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		372,524,974,290	351,365,676,329
I-Vốn chủ sở hữu	410		372,524,974,290	351,365,676,329
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	128,149,940,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128,149,940,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	106,923,530,597	91,269,882,762
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	13,661,445,019	12,921,703,776
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	78,415,198,038	84,871,309,198
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33,842,245,710	40,146,601,097
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44,572,952,328	44,724,708,101
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.18	45,374,860,636	45,802,780,593
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		644,961,556,630	619,003,284,861
			-	-

Người lập biểu

PT. Ban TCKT

Tp.HCM, ngày 24 tháng 11 năm 2018

Tổng Giám đốc



NGUYỄN LƯƠNG HUY



VÕ TRUNG THẮNG





VÕ XUÂN TRUNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	263,542,794,661	282,723,454,658	864,551,723,402	863,511,317,762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	263,542,794,661	282,723,454,658	864,551,723,402	863,511,317,762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	242,849,972,652	260,074,725,545	772,792,207,106	772,160,237,916
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20,692,822,009	22,648,729,113	91,759,516,296	91,351,079,846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20,035,614,616	20,275,781,910	25,686,141,892	27,428,250,051
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	213,662,450	632,216,218	1,989,839,107	1,557,016,549
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9,869,992	-	17,576,881	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(344,924,220)	(171,502,330)	(432,870,206)	(4,698,039,038)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	26,211,748,777	28,741,357,316	70,270,740,675	81,560,648,441
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)+24-(25+26)]	30		13,958,101,178	13,379,435,159	44,752,208,200	30,963,625,869
12. Thu nhập khác	31	VI.5	7,206,768,494	30,222,748	7,803,164,570	22,693,624,225
13. Chi phí khác	32	VI.6	88,581,332	669,253,172	1,389,952,751	904,264,610
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7,118,187,162	(639,030,424)	6,413,211,819	21,789,359,615
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21,076,288,340	12,740,404,735	51,165,420,019	52,752,985,484
16. Chi thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1,052,938,644	(503,589,337)	7,409,860,512	7,837,920,778
17. Chi thuế TNDN hoãn lại	52		91,699,850	53,097,155	(389,472,864)	646,128,308
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		19,931,649,846	13,190,896,917	44,145,032,371	44,268,936,398
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		20,038,594,305	13,292,985,600	44,572,952,328	44,724,708,101
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(106,944,459)	(102,088,683)	(427,919,957)	(455,771,703)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,564	1,037	3,128	3,073
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

PT. Ban TCKT

NGUYỄN LƯƠNG HUY

VÕ TRUNG THẮNG



Làm ngày 14 tháng 1 năm 2018

Tổng Giám đốc

VŨ XUÂN TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51,165,420,019	52,752,985,484
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11,777,486,974	12,422,521,653
- Các khoản dự phòng	03		(1,300,474,158)	(930,293,783)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		264,228,504	(503,956,645)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22,755,463,936)	(17,637,138,119)
- Chi phí lãi vay	06		17,576,881	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39,168,774,284	46,104,118,590
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5,049,471,544)	(26,813,149,265)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(877,500)	175,500
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5,101,242,065	6,492,387,411
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		1,119,694,314	350,741,538
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Lãi tiền vay đã trả	14		(17,576,881)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,748,091,216)	(9,635,385,088)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	26,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6,525,299,099)	(5,461,992,723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27,048,394,423	11,062,895,963
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5,977,811,692)	(67,244,815,123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1,038,922,994	25,500,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	7,000,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4,458,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22,630,716,443	36,761,232,929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13,233,827,745	(23,458,082,194)
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,601,969,194	2,333,081,633
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,161,969,194)	(9,333,081,633)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17,475,000,000)	(31,455,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17,035,000,000)	(38,455,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		23,247,222,168	(50,850,186,231)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		133,564,375,448	184,135,373,810
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(188,608,692)	279,187,869
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		156,622,988,924	133,564,375,448

Người lập biểu


NGUYỄN LƯƠNG HUY

PT.Ban TCKT


VÕ TRUNG THẮNG



Tập ngày 24 tháng 11 năm 2018
Tổng Giám đốc


VÕ TRUNG THẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Quý IV Năm 2017**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 44
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà kho và sân bãi thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là từ 05 – 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Riêng các quyền sử dụng đất có xác định thời hạn sử dụng sẽ được khấu hao trong thời gian sử dụng tương ứng như sau:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	2,286,157,891	2,302,530,267
Tiền gửi ngân hàng	110,836,044,589	88,161,845,181
Các khoản tương đương tiền	43,500,786,444	43,100,000,000
Cộng	156,622,988,924	133,564,375,448

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000
Cộng	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Sở hữu	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Sở hữu	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty liên kết		4,113,075,780	-		414,395,004	-
- Công ty TNHH China Shipping Việt Nam ¹		-	-	40%	414,395,004	-
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics Việt Nam ²	20%	4,113,075,780	-		-	-
Đơn vị khác		11,604,466,483	-		11,594,332,006	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam ³	913,390 CP	7,400,160,000	-	913,390 CP	7,400,160,000	-
- Tổng công ty CP Thép Việt Nam ⁴	200,000 CP	2,020,000,000	-	200,000 CP	2,020,000,000	-
- Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam ⁵	50,000 CP	500,000,000	-	50,000 CP	500,000,000	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải VN ⁶	51%	1,072,836,000	-	51%	1,072,836,000	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam ⁷	1%	63,746,040	-	1%	63,746,040	-
- Công ty liên doanh Bông Sen ⁸	0.27%	547,724,443	-	0.27%	537,589,966	-
Tổng cộng		15,717,542,263	-		12,008,727,010	-

⁽¹⁾Ngày 4/7/2016, căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ/HĐQT-NK3-THYK, Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc chấm dứt hợp đồng liên doanh giữa Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam và China Shipping Regional Holdings Pte Ltd., và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam. Tháng 6 năm 2017, Công ty đã hoàn tất đóng mã số thuế.

⁽²⁾Ngày 16/06/2017, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line) đã thành lập Công ty TNHH NYK Auto Logistics Việt Nam với vốn điều lệ 1.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 20%. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận và kho bãi, vận tải đường biển...

(3) Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) tiền thân là Đại lý hàng hải Việt Nam là cổ đông sáng lập Ngân hàng Hàng hải Việt Nam vào năm 1991. Số cổ phiếu VOSA sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.

(4) Tổng công ty cổ phần thép Việt Nam (VNSTEEL) là đối tác quan trọng của VOSA ở khu vực miền Bắc. VOSA đã thực hiện cung cấp dịch vụ đại lý vận tải cho VNSTEEL trong nhiều năm. Khi VNSTEEL thực hiện bán cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO), VOSA đã thực hiện đầu giá mua 200.000 cổ phiếu của VNSTEEL.

(5) VOSA là cổ đông thành lập Công ty CP VINALINES LOGISTICS năm 2007 và đã niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VLG. Hàng năm cổ tức được chia trung bình 5-6%.

(6) Ngày 01/04/2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận và kho bãi, làm thủ tục hải quan, môi giới, vận tải đường bộ, v.v... Theo Hợp đồng liên doanh VOSA sẽ được nhận khoản phí quản lý cố định hàng năm và không tham gia quản lý, kiểm soát hoạt động hàng ngày của Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam. Đối với phần lợi nhuận của liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

(7) Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam). Ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã chuyển nhượng 50% vốn cho đối tác nước ngoài là Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd. Từ ngày 01/04/2014, VOSA chỉ còn giữ 1% vốn góp và nhận lãi cố định hàng năm. Theo hợp đồng chuyển nhượng, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận đối với số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions (Việt Nam) lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 theo tỷ lệ vốn góp trước thời điểm chuyển nhượng (Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam: 51%, Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.: 49%) theo thông báo chia lợi nhuận của Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) phân kỳ 7 năm (2014-2020), mỗi kỳ VOSA được nhận số tiền 15,5 tỷ đồng.

(8) Được thành lập năm 1991, Công Ty Liên Doanh Bông Sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETRANS, VOSA và đối tác nước ngoài BLASCO – Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23,705USD với tỷ lệ vốn góp 0,27%. Hàng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Liên danh Penta - Rinkai	11,864,289,233	8,430,293,711
Cty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	16,576,621,043	17,590,068,254
Cty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	5,103,478,450	13,838,401,465
Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	17,906,596,882	18,018,857,152
Phải thu khách khác	88,147,404,173	82,271,400,836
Cộng	139,598,389,781	140,149,021,418

4. Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1,012,822,222	1,252,336,111
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
BHXX, BHYT, BHTN	1,512,000	22,248,396

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	14,277,091,065	11,986,296,824
Tạm ứng	7,528,767,355	7,811,974,473
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,157,345,000	1,137,745,000
Khoản phải thu khác	5,661,272,913	5,693,453,596
Cộng	29,638,810,555	27,904,054,400

b) Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	8,961,498,470	8,410,338,470
Khoản phải thu khác		
Cộng	8,961,498,470	8,410,338,470

5. Nợ xấu

Nợ xấu	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng
- Phải thu khách hàng	302,951,657	234,591,141	1,711,240,363	1,535,065,299
- Phải thu ngắn hạn khác	5,575,895,635	5,575,895,635	5,575,895,635	5,575,895,635
Cộng	5,878,847,292	5,810,486,776	7,287,135,998	7,110,960,934

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng gửi đi bán		-		-
- Khác	877,500			-
Cộng	877,500			-

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối quý
Chi phí xây dựng cơ bản tại lô đất số 1 Bến Vân Đồn, Q.4, TP.HCM	75,155,431,216				75,155,431,216
Dự án cải tạo, sửa chữa nhà văn phòng Vitamas	221,141,551	92,022,727			313,164,278
Dự án xây mới nhà văn phòng Vosa Nha Trang	106,644,636	18,340,784			124,985,420
Dự án sửa chữa nhà văn phòng Vosa Quy Nhơn		40,000,000			40,000,000
Cộng	75,483,217,403	150,363,511	-	-	75,633,580,914

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2017	90,587,739,447	38,015,819	45,299,154,940	5,024,221,496	140,949,131,702
- Mua trong năm	-	-	5,633,543,636	143,904,545	5,777,448,181
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	5,624,938,874	343,933,609	5,968,872,483
- Giảm khác	138,228,495	-	-	-	138,228,495
Ngày 31/12/2017	90,449,510,952	38,015,819	45,307,759,702	4,824,192,432	140,619,478,905
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2017	44,107,158,176	38,015,819	33,398,631,092	4,522,096,529	82,065,901,616
- Khấu hao trong năm	3,768,063,464	-	3,268,338,454	278,523,768	7,314,925,686
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	5,624,938,874	343,933,609	5,968,872,483
- Giảm khác	134,920,062	-	-	-	134,920,062
Ngày 31/12/2017	47,740,301,578	38,015,819	31,042,030,672	4,456,686,688	83,277,034,757
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2017	46,480,581,271	-	11,900,523,848	502,124,967	58,883,230,086
Ngày 31/12/2017	42,709,209,374	-	14,265,729,030	367,505,744	57,342,444,148

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định Vô hình		Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Ngày 1/1/2017		81,243,642,028	1,984,579,300	83,228,221,328
- Mua trong năm		-	50,000,000	50,000,000
- Giảm khác		60,896,986,500	-	60,896,986,500
Ngày 31/12/2017		20,346,655,528	2,034,579,300	22,381,234,828
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1/1/2017		1,441,402,223	1,891,535,332	3,332,937,555
- Khấu hao trong năm		225,219,012	95,821,746	321,040,758
- Giảm khác		302,877,636	-	302,877,636
Ngày 31/12/2017		1,363,743,599	1,987,357,078	3,351,100,677
Giá trị còn lại				
Ngày 1/1/2017		79,802,239,805	93,043,968	79,895,283,773
Ngày 31/12/2017		18,982,911,929	47,222,222	19,030,134,151

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư		Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Ngày 1/1/2017		74,584,104,356	74,584,104,356
Ngày 31/12/2017		74,584,104,356	74,584,104,356
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1/1/2017		28,967,422,855	28,967,422,855
- Khấu hao trong năm		4,141,520,530	4,141,520,530
Ngày 31/12/2017		33,108,943,385	33,108,943,385
Giá trị còn lại			
Ngày 1/1/2017		45,616,681,501	45,616,681,501
Ngày 31/12/2017		41,475,160,971	41,475,160,971

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	49,441,505	122,475,221
Chi phí bảo hiểm	69,261,959	55,839,561
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	155,800,000	509,197,273
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	36,889,871	59,189,550
Cộng	311,393,335	746,701,605

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	87,980,211	127,430,560
Tiền thuê đất trả trước*	60,814,726,565	1,552,861,909
Chi phí trả trước dài hạn khác	923,072,646	235,764,133
Cộng	61,825,779,422	1,916,056,602

(*) Điều chỉnh ghi nhận chi phí trả trước dài hạn tiền thuê đất trả tiền 1 lần lô đất số 25 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

12. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Vay người lao động ^(*)		2,121,969,194	2,121,969,194	
Vay ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾		96,000,000		96,000,000
Cộng		2,217,969,194	2,121,969,194	96,000,000

(*) Khoản vay người lao động công ty tại chi nhánh Northfreight theo Quyết định số 48/QĐ-NF ngày 31/03/2017 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31/12/2017 và không chịu lãi.

b) Vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong) ⁽ⁱ⁾	-	6,591,420,000
Vay ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾	344,000,000	
Cộng	344,000,000	6,591,420,000

(i) Khoản vay dài hạn ngoại tệ với số tiền 1.980.000 CNY từ Luen Wah Trading Co.,Ltd (Hong Kong) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/04/1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi. Quý 4/2017, Công ty đã kết chuyển khoản vay vào thu nhập khác theo thỏa thuận xóa nợ của Luen Wah Trading Co.,Ltd (Hong Kong).

(ii) Khoản vay ngân hàng Vietcombank CN Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số ATLS17/DLHH/TOY với số tiền 480,000,000 VND. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, lãi suất 8.68%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Tiến Bộ	8,305,949,527	8,943,257,555
Iata Vietnam Company Limited	2,040,194,338	517,827,900
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	1,886,122,864	3,135,387,659
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	7,637,542,109	5,712,068,621
Phải trả người bán khác	70,485,003,027	69,604,422,034
Cộng	90,354,811,865	87,912,963,769

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	692,781,618	13,614,412,163	13,826,995,332	480,198,449
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7,409,860,512	6,748,091,216	661,769,296
Thuế thu nhập cá nhân	376,824,969	3,408,125,432	3,374,954,577	409,995,824
Tiền thuê đất	2,398,224,792	2,872,548,730	4,124,408,730	1,146,364,792
Các loại thuế khác	9,519,509,925	36,993,756,268	37,977,042,410	8,536,223,783
Cộng	12,987,341,304	64,298,703,105	66,051,492,265	11,234,552,144

Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT	10,028,755,966	8,758,303,474
Thuế thu nhập cá nhân	37,482,249	43,001,442
Thuế khác	640,043,128	408,989,603
Cộng	10,706,281,343	9,210,294,519

15. Chi phí phải trả**a) Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí vận tải thuê ngoài	22,385,491,055	19,198,142,843
Chi phí khác	649,840,941	839,522,443
Cộng	23,035,331,996	20,037,665,286

b) Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí khác	500,000,000	500,000,000
Cộng	500,000,000	500,000,000

16. Phải trả khác**a) Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	20,210,492	21,916,080
Kinh phí công đoàn	1,378,837,956	1,546,704,626
Cổ tức phải trả	519,175,835	205,724,825
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6,819,982,731	5,042,283,958

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	73,717,585,961	60,342,573,056
Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	17,773,263,556	10,506,344,110
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3,737,387,440	3,737,387,440
Phải trả khác	531,966,411	443,247,211
Cộng	104,498,410,382	81,846,181,306

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1,729,551,434	733,770,150
Phải trả khác		
Cộng	1,729,551,434	733,770,150

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Doanh thu đại lý vận tải		
- Doanh thu khác	181,818,182	363,483,182
Cộng	181,818,182	363,483,182

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận sau thuế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	87,854,561,665	46,258,552,296	337,608,740,405
Lợi nhuận trong năm		-	-	44,724,708,101	(455,771,703)	44,268,936,398
Trích lập các quỹ		17,008,673,771	1,457,886,323	(24,407,960,568)		(5,941,400,474)
Chia cổ tức		-	-	(23,300,000,000)		(23,300,000,000)
Chi quỹ		-	(1,270,600,000)	-		(1,270,600,000)
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	91,269,882,762	12,921,703,776	84,871,309,198	45,802,780,593	351,365,676,329
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	91,269,882,762	12,921,703,776	84,871,309,198	45,802,780,593	351,365,676,329
Tăng vốn trong năm	11,649,940,000	-	-	(11,649,940,000)		-
Lợi nhuận trong năm		-	-	44,572,952,328	(427,919,957)	44,145,032,371
Trích lập các quỹ		15,653,647,835	1,341,741,243	(21,904,123,488)		(4,908,734,410)
Chia cổ tức		-	-	(17,475,000,000)		(17,475,000,000)
Chi quỹ		-	(602,000,000)	-		(602,000,000)
Số dư cuối năm nay	128,149,940,000	106,923,530,597	13,661,445,019	78,415,198,038	45,374,860,636	372,524,974,290

* Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm: Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ: 11.650.000.000đ và Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh: 2.011.445.019đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Cổ phiếu

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	12,814,994	128,149,940,000	11,650,000	116,500,000,000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	12,814,994	128,149,940,000	11,650,000	116,500,000,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Chỉ tiêu ngoại bảng

Ngoại tệ các loại	Cuối quý	Đầu năm
- USD	2,396,053	2,149,630
Cộng	2,396,053	2,149,630

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	864,551,723,402	863,511,317,762
- Doanh thu đại lý tàu rời	60,871,607,491	55,727,399,056
- Doanh thu đại lý vận tải	536,706,619,869	514,097,181,228
- Doanh thu đại lý liner	25,800,528,011	22,675,745,168
- Doanh thu kiểm kiện	20,063,627,194	19,590,875,825
- Doanh thu kho ngoại quan	619,131,055	10,344,124,934
- Doanh thu tạm nhập tái xuất	-	14,726,968,107
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	22,373,304,785	52,862,826,330
- Doanh thu cho thuê phương tiện	50,594,623,204	55,130,683,840
- Doanh thu cho thuê kho	111,540,730,420	97,921,325,673
- Doanh thu dịch vụ khác	35,981,551,373	20,434,187,601
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	864,551,723,402	863,511,317,762

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	72,227,407,938	74,544,064,834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,902,729,961	9,422,458,889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	653,321,919,111	660,584,458,922

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	38,340,150,096	27,609,255,271
Cộng	772,792,207,106	772,160,237,916

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4,518,715,640	5,903,376,742
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17,326,069,169	17,072,223,189
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,805,777,083	3,948,693,475
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	503,956,645
Lãi tài chính khác	1,035,580,000	
Cộng	25,686,141,892	27,428,250,051

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ do xóa sổ khoản đầu tư tài chính	762,645,228	-
Chi phí lãi vay	17,576,881	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,130,499,433	1,556,726,814
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	75,619,812	
Chi phí tài chính khác	3,497,753	289,735
Cộng	1,989,839,107	1,557,016,549

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán tài sản	1,038,922,994	25,500,000
Xóa nợ Luen Wah Trading Co.,Ltd*	6,591,420,000	
Các khoản nợ không xác định được chủ	-	611,551,880
Tiền đền bù, hỗ trợ di dời văn phòng**	-	22,000,000,000
Các khoản thu nhập khác	172,821,576	56,572,345
Cộng	7,803,164,570	22,693,624,225

* Khoản vay dài hạn ngoại tệ với số tiền 1.980.000 CNY từ Luen Wah Trading Co.,Ltd (Hong Kong) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/04/1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi. Quý 4/2017, Công ty đã kết chuyển khoản vay vào thu nhập khác theo thỏa thuận xóa nợ của Luen Wah Trading Co.,Ltd (Hong Kong).

** Khoản đền bù, hỗ trợ di dời khỏi văn phòng đang thuê tại số 3-5-7-11 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM của Chi nhánh công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) theo biên bản thỏa thuận số 54/2016/BBTT-PL ngày 04/04/2016 giữa Công ty cổ phần An Phú và Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Theo đó, Công ty cổ phần An Phú sẽ thay thế Vosa Sài Gòn trong việc quản lý, sử dụng văn phòng đang thuê này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	13,946,615	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	1,306,740,976	233,727,184
Các khoản chi phí khác	69,265,160	670,537,426
Cộng	1,389,952,751	904,264,610

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	29,045,113,678	40,708,703,593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,874,757,013	3,000,062,764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,947,564,786	25,781,921,618
Chi phí khác	13,403,305,198	12,069,960,466
Cộng	70,270,740,675	81,560,648,441

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	101,272,521,616	115,252,768,427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11,777,486,974	12,422,521,653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678,269,483,897	686,366,380,540
Chi phí khác	51,743,455,294	39,679,215,737
Cộng	843,062,947,781	853,720,886,357

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ phát sinh tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	7,409,860,512	7,837,920,778
Công ty CP BĐS Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	7,409,860,512	7,837,920,778

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	8,921,700,000	16,059,060,000
Chi phí thuê văn phòng phải trả	988,904,515	929,053,333
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	690,382,156	3,925,765,895

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Công nợ nội bộ với các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam**Công nợ phải thu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang		
Phải thu các khoản thu chi hộ	125,410,683	125,410,683
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân		
Phí cung cấp dịch vụ	72,308,130	36,280,496
Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam		
Phí cung cấp dịch vụ	74,468,975	72,600,000
	<u>272,187,788</u>	<u>234,291,179</u>

Công nợ phải trả

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Cổ tức phải trả	-	-
Chi phí dịch vụ	-	242,027,387
Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng		
Tiền cảng phí phải trả	394,102,657	280,227,018
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng		
Tiền cảng phí phải trả	2,111,531,339	2,865,185,828
Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh		
Tiền cảng phí phải trả	61,203,354	21,428,736
	<u>2,566,837,350</u>	<u>3,408,868,969</u>

Người lập biểu

PT. Ban TCKT

Lập, ngày 14 tháng 11 năm 2018

Tổng giám đốc

NGUYỄN LƯƠNG HUY

VÔ TRUNG THẮNG

VŨ XUÂN TRUNG